

Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH HIỆN THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH  
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP (183 TTHC)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (142 TTHC)

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Ghi chú
<b>I</b>				
<b>LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG (28 TTHC)</b>				
1.	1.013834	Thành lập Văn phòng công chứng	X	
2.	1.013839	Hợp nhất Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	X	
3.	1.013842	Sáp nhập Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	X	
4.	1.013846	Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của toàn bộ thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng	X	
5.	1.013849	Chuyển đổi Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân thành Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	X	
6.	1.013852	Bán Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân	X	
7.	1.013803	Bổ nhiệm công chứng viên	X	
8.	1.013804	Bổ nhiệm lại công chứng viên	X	
9.	1.013805	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	X	
10.	1.013806	Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài	X	

11.	1.013807	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	X	
12.	1.013808	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	X	
13.	1.013810	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	X	
14.	1.013812	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	X	
15.	3.000444	Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng	X	
16.	1.013816	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	X	
17.	1.013818	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	X	
18.	1.013859	Cấp Thẻ công chứng viên	X	
19.	1.013830	Cấp lại Thẻ công chứng viên	X	
20.	1.013832	Thu hồi Thẻ công chứng viên	X	
21.	1.013835	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	X	
22.	1.013836	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	X	
23.	1.013837	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng do bị mất, hỏng	X	
24.	1.013840	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	X	
25.	1.013843	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	X	
26.	1.013848	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng vốn góp	X	
27.	1.013853	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được bán	X	
28.	1.013856	Công nhận Điều lệ của Văn phòng công chứng được thành lập trước ngày 01/7/2025	X	

<b>II</b>		<b>LĨNH VỰC THỪA PHÁT LẠI (17 TTHC)</b>			
1.	1.008929	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại		X	
2.	1.008932	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại		X	
3.	1.008934	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại		X	
4.	1.008936	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại		X	
5.	1.008921	Công nhận tương đương đào tạo nghề Thừa phát lại ở nước ngoài		X	
6.	1.008922	Bỏ nhiệm Thừa phát lại		X	
7.	1.008923	Miễn nhiệm Thừa phát lại (trường hợp được miễn nhiệm)		X	
8.	1.008924	Bỏ nhiệm lại Thừa phát lại		X	
9.	1.008925	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại		X	
10.	1.008926	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại		X	
11.	1.008927	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại		X	
12.	1.008928	Cấp lại Thẻ Thừa phát lại		X	
13.	1.008930	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại		X	
14.	1.008931	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại		X	
15.	1.008933	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại		X	
16.	1.008935	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại		X	
17.	1.008937	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại		X	
<b>III</b>	<b>LĨNH VỰC LUẬT SƯ (20 TTHC)</b>				

1.	1.000828	Cấp Chứng chỉ hành nghề Luật sư đối với người đạt yêu cầu Kiểm tra kết quả tập sự hành nghề Luật sư	X	
2.	1.000688	Cấp Chứng chỉ hành nghề Luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề Luật sư, miễn tập sự hành nghề Luật sư	X	
3.	1.008614	Thu hồi chứng chỉ hành nghề Luật sư	X	
4.	1.008624	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề Luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề Luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư	X	
5.	1.008628	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề Luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý	X	
6.	1.001928	Công nhận đào tạo nghề Luật sư ở nước ngoài	X	
7.	1.002010	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề Luật sư	X	
8.	1.002055	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng Luật sư, công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	X	
9.	1.002079	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty Luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty Luật hợp danh	X	
10.	1.002099	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề Luật sư	X	
11.	1.002032	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề Luật sư	X	
12.	1.002153	Đăng ký hành nghề Luật sư với tư cách cá nhân	X	
13.	1.002181	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty Luật nước ngoài	X	
14.	1.002198	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty Luật nước ngoài	X	
15.	1.002218	Hợp nhất công ty Luật	X	
16.	1.002234	Sáp nhập công ty Luật	X	

17.	1.008709	Chuyển đổi công ty Luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	X	
18.	1.002398	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	X	
19.	1.002384	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	X	
20.	1.002368	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	X	
<b>IV</b>	<b>LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP (07 TTHC)</b>			
1.	2.000894	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	X	
2.	2.000890	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	X	
3.	2.000568	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	X	
4.	1.001216	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	X	
5.	2.000823	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp	X	
6.	2.000555	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng giám định tư pháp	X	
7.	1.001117	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	X	
<b>V</b>	<b>LĨNH VỰC TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI (11 TTHC)</b>			
1.	2.000822	Thành lập, đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài	X	
2.	2.000819	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài	X	
3.	1.008885	Chấm dứt hoạt động Trung tâm trọng tài theo Điều lệ của Trung tâm trọng tài	X	

4.	1.008886	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức tài nước ngoài tại Việt Nam	X	
5.	1.001609	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Chi nhánh của Tổ chức tài nước ngoài tại Việt Nam	X	
6.	1.008887	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức tài nước ngoài bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổ chức tài nước ngoài hoặc Tổ chức tài nước ngoài thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tại Việt Nam đã chấm dứt hoạt động ở nước ngoài.	X	
7.	1.008888	Cấp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	X	
8.	1.008889	Đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	X	
9.	1.008890	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	X	
10.	1.008906	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh thành phố trực thuộc trung ương khác	X	
11.	1.001248	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	X	
<b>VI LĨNH VỰC QUẢN TÀI VIÊN VÀ HÀNH NGHỀ QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN (08 TTHC)</b>				
1.	2.001130	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư, kiểm toán viên, người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 05 năm trở lên	X	
2.	1.002681	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về luật sư, kiểm toán viên là người nước ngoài theo quy định của pháp luật về kiểm toán	X	

3.	2.001117	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên	X	
4.	1.002626	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	X	
5.	1.001842	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	X	
6.	1.008727	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	X	
7.	1.001633	Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở, văn phòng đại diện, chi nhánh, người đại diện theo pháp luật, danh sách Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	X	
8.	1.001600	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của quản tài viên	X	
<b>VII</b>				
<b>LĨNH VỰC ĐẦU GIÁ TÀI SẢN (10 TTHC)</b>				
1.	1.003915	Cấp Chứng chỉ hành nghề đầu giá	X	
2.	1.000802	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề đầu giá	X	
3.	1.013634	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đầu giá tài sản	X	
4.	1.013635	Cấp lại giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đầu giá tài sản	X	
5.	2.001225	Phê duyệt Trang thông tin đầu giá trực tuyến	X	
6.	2.001395	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đầu giá tài sản	X	
7.	2.001333	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đầu giá tài sản	X	
8.	2.001258	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đầu giá tài sản	X	
9.	2.002139	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đầu giá tài sản	X	
10.	2.001247	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đầu giá tài sản	X	
<b>VIII</b>				
<b>LĨNH VỰC HOÀ GIẢI THƯƠNG MẠI (13 TTHC)</b>				

1.	1.008907	Cấp Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại	X	
2.	1.008908	Cấp lại Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	X	
3.	1.008909	Bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài	X	
4.	1.008910	Thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở Trung tâm hòa giải thương mại sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	X	
5.	1.008911	Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	X	
6.	2.000515	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	X	
7.	1.008916	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh, địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh	X	
8.	1.008912	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	X	
9.	1.009284	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	X	
10.	1.008913	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được cấp Giấy phép thành lập	X	
11.	2.001716	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	X	
12.	1.008914	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	X	

13.	1.008915	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập.	X	
<b>IX</b>	<b>LĨNH VỰC TƯ VẤN PHÁP LUẬT (06 TTHC)</b>			
1.	1.000627	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	X	
2.	1.000614	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	X	
3.	1.000426	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	X	
4.	1.000588	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	X	
5.	1.000404	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	X	
6.	1.000390	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	X	
<b>X</b>	<b>LĨNH VỰC HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA (02 TTHC)</b>			
1.	1.005464	Thu tục đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	X	
2.	3.000024	Thu tục đề nghị thanh toán chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	X	
<b>XI</b>	<b>LĨNH VỰC QUỐC TỊCH (04 TTHC)</b>			
1.	2.002038	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	X	
2.	2.002036	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	X	
3.	2.001895	Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	X	
4.	1.005136	Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	X	
<b>XII</b>	<b>LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI (02 TTHC)</b>			
1.	1.003179	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	X	

2.	1.003198	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi	X	
<b>XIII</b>				
<b>LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ (01 TTHC)</b>				
1.	2.000970	Lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	X	
2.	2.000954	Cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	X	
3.	2.000840	Chấm dứt đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	X	
4.	2.000587	Cấp thẻ công tác viên trợ giúp pháp lý	X	
5.	2.000518	Cấp lại thẻ công tác viên trợ giúp pháp lý	X	
6.	2.000596	Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	X	
7.	1.001233	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	X	
8.	2.001680	Rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý	X	
9.	2.000829	Yêu cầu trợ giúp pháp lý	X	
10.	2.000592	Giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	X	
11.	2.001687	Thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	X	
<b>XIV</b>				
<b>LĨNH VỰC HỘ TỊCH (02 TTHC)</b>				
12.	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	X	
13.	2.000635	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	X	
<b>XV</b>				
<b>LĨNH VỰC CHỨNG THỰC (01 TTHC)</b>				
14.	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ số gốc	X	

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (41 TTHC)**

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Ghi chú
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC HỘ TỊCH (32 TTHC)</b>			
1.	1.001193	Thủ tục đăng ký khai sinh	X	
2.	1.001022	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	X	
3.	1.000689	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	X	
4.	1.000656	Thủ tục đăng ký khai tử	X	
5.	1.003583	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	X	
6.	1.000419	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	X	
7.	1.004837	Đăng ký giám hộ	X	
8.	1.004845	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	X	
9.	3.000323	Đăng ký giám sát việc giám hộ	X	
10.	3.000322	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	X	
11.	1.004859	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	X	
12.	1.004873	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	X	
13.	1.004884	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	X	
14.	1.004772	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	X	
15.	1.005461	Thủ tục đăng ký lại khai tử	X	

16.	2.000528	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	X	
17.	1.001766	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	X	
18.	2.000779	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	X	
19.	1.001695	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	X	
20.	1.001669	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	X	
21.	2.000756	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	X	
22.	2.000748	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	X	
23.	2.002189	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	X	
24.	2.000554	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	X	
25.	2.000547	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	X	
26.	2.000522	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	X	
27.	1.000893	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	X	
28.	2.000497	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	X	
29.	2.002621	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	X	
30.	2.002622	Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai tang phí, tử tuất	X	
31.	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	X	
32.	2.000635	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	X	

<b>II</b>		<b>LĨNH VỰC CHỨNG THỰC (02 TTHC)</b>			
1.	2.000942	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực		X	
2.	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc		X	
<b>III</b>		<b>LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI (03 TTHC)</b>			
1.	2.001255	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước		X	
2.	2.002363	Ghi vào sổ đăng ký nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		X	
3.	2.002349	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi		X	
<b>IV</b>		<b>LĨNH VỰC HOÀ GIẢI Ở CƠ SỞ (04 TTHC)</b>			
1.	2.000424	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở		X	
2.	1.002211	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)		X	
3.	2.000950	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)		X	
4.	2.000930	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)		X	